TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-5-2018
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trương Thị Thìn – Nguyên Hội phó thường trực Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên Hội phó Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1971/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 216/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà **Vương Thị H** – sinh năm 1988.

Địa chỉ: tổ 10, khu phố E, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2.Bị đơn: Ông **Hà Văn V** – sinh năm 1989.

Địa chỉ: tổ 10, khu phố E, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H, ông V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2017, tại bản tự khai nguyên đơn bà Vương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hà Văn V kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Nghệ An, hôn nhân là tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có chung với nhau hai người con. Vào cuối năm 2013 giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm và tiền bạc, vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã, dẫn đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vào tháng 4/20/17, bà đã nộp đơn xin ly hôn với ông V, nhưng sau khi Tòa hòa giải bà đã rút đơn và cho chồng thêm cơ hội, nhưng sau đó chồng bà vẫn thường xuyên chơi cờ bạc, lô đề dẫn đến nợ nần bên ngoài rất nhiều, không chăm lo cho đời sống vợ con, ngoài ra ông V còn chửi bới, xúc phạm, gây áp lực cho bà về mặt tinh thần. Vì không muốn gia đình đổ vỡ đã nhiều lần vợ chồng cùng ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng tất cả đều không có kết quả. Do vậy đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà xin được ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Hà Mạnh L – sinh ngày 0/6/2009 và cháu Hà Huy T – sinh ngày 24/8/2013. Khi ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông V nhưng ông V vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà H. Giao cháu cháu Hà Mạnh L và cháu Hà Huy T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông V không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu. Bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Vương Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng ông Hà Văn V vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vương Thị H và ông Hà Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân xã Y, huyện N, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 03/02/2009 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo như bà H trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ cuối năm 2013 giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm và tiền bạc, vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã, dẫn đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vào tháng 4/20/17, bà đã nộp đơn xin ly hôn với ông V, nhưng sau khi Tòa hòa giải bà đã rút đơn và cho chồng thêm cơ hội, nhưng sau đó chồng bà vẫn thường xuyên chơi cờ bạc, lô đề dẫn đến nợ nần bên ngoài rất nhiều, không chăm lo cho đời sống vợ con, ngoài ra ông V còn chửi bới, xúc phạm, gây áp lực cho bà về mặt tinh thần. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông V nữa, không thể tiếp tục sống với nhau nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông V. Theo đơn xác nhận tạm trú của Công an phường A ngày 26/10/2017 thì ông V có đăng ký tạm trú tại tổ 10, khu phố E, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai từ ngày 26/7/2016 cho đến nay. Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập ông V đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng ông V không đến, cho thấy ông V không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Mặt khác, theo biên bản xác minh ngày 05/01/2018 tại địa phương thì quá trình bà H và ông V chung sống có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm rõ do đương sự không trình báo, tuy nhiên theo những người dân ở khu vực ông V và bà H cho biết vợ chồng ông V và bà H đã sống ly thân từ khoảng tháng 9/2017 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông V đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên việc bà H xin ly hôn với ông V là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H, cho ly hôn giữa bà Vương Thị H và ông Hà Văn V.

[3] Về con chung: Bà H và ông V có 02 con chung là cháu Hà Mạnh L – sinh ngày 0/6/2009 và cháu Hà Huy T – sinh ngày 24/8/2013. Khi ly hôn bà H xin được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trách nhiệm của cha mẹ. Khi ly hôn bà H xin được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng. Ông V đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc, cháu Hà Mạnh L có nguyện vọng được ở với mẹ và hiện tại con chung đang do bà H chăm sóc nuôi dưỡng, do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các con chung nên giao cháu L và cháu T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành để tạo điều kiện ổn định phát triển về mọi mặt cho các cháu. Tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Theo bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Theo bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về nợ chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vương Thị H. Cho ly hôn giữa bà Vương Thị H và ông Hà Văn V.

Về con chung: Giao cháu Hà Mạnh L – sinh ngày 07/6/2009 và cháu Hà Huy T – sinh ngày 24/8/2013 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Vương Thị H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 002826 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Loan Trần Hải Yến